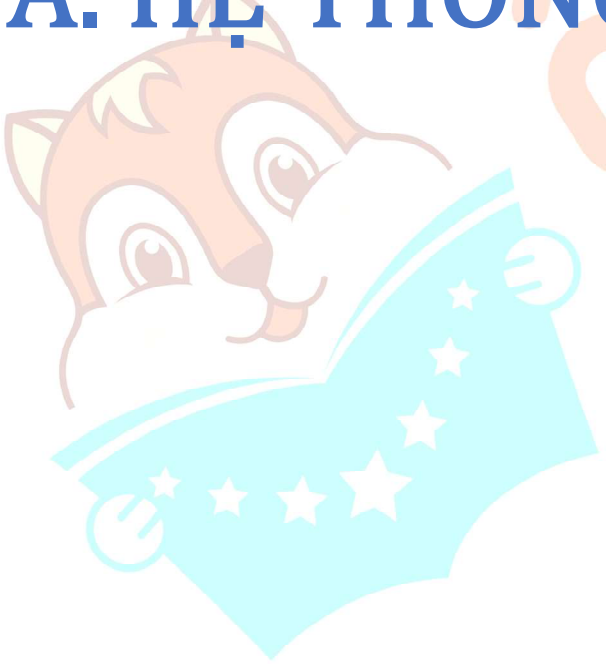
MỤC LỤC

HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI CUỐI HỌC KÌ II LỚP 4	TRANG	
	Đề	Đáp án
ĐỀ SỐ 1 (SGK CÁNH DIỀU)	3	22
ĐỀ SỐ 2 (SGK CÁNH DIỀU)	5	24
ĐỀ SỐ 3 (SGK CÁNH DIỀU)	7	26
ĐỀ SỐ 4 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	9	28
ĐỀ SỐ 5 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	11	30
ĐỀ SỐ 6 (SGK KẾT NỐI TRI THỨC)	13	32
ĐỀ SỐ 7 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	15	34
ĐỀ SỐ 8 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	17	36
ĐỀ SỐ 9 (SGK CHÂN TRỜI SÁNG TẠO)	19	38

A. HỆ THỐNG ĐỀ ÔN THI



ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Số thích hợp để điền vào ô trống là:

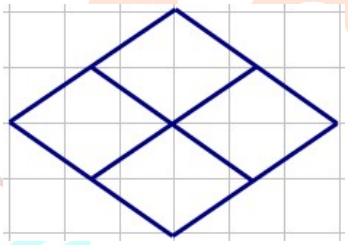
$$\frac{12}{18} = \frac{6}{\square}$$

A. 3. **B.** 9. **C.** 2. **D.** 4.

Câu 2. Quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{3}{4}$ và $\frac{4}{9}$ ta được hai phân số lần lượt là:

A. $\frac{12}{8}$ và $\frac{18}{8}$. **B.** $\frac{8}{27}$ và $\frac{1}{3}$. **C.** $\frac{18}{27}$ và $\frac{12}{27}$. **D.** $\frac{27}{36}$ và $\frac{16}{36}$.

Câu 3. Hình vẽ dưới đây có bao nhiêu hình thoi?

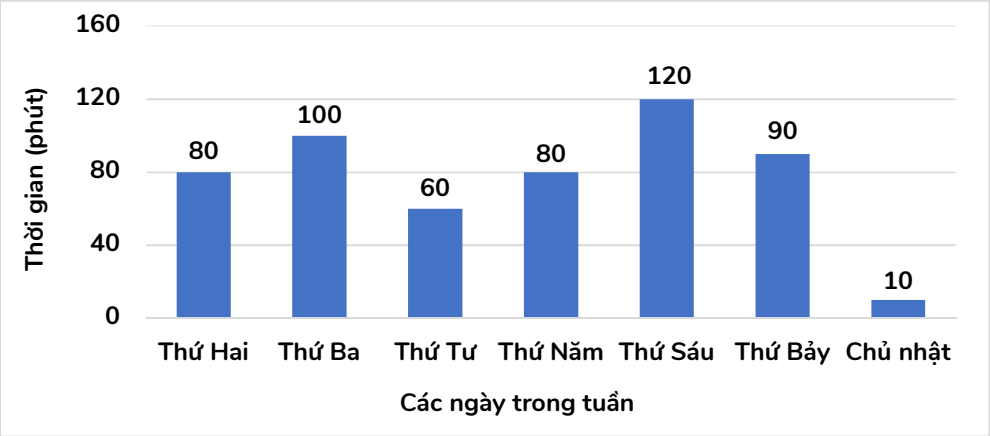


A. 3. **B.** 4. **C.** 5. **D.** 6.

Câu 4. $\frac{7}{9}$ của một số là 21. Số đó là:

A. 24. **B.** 28. **C.** 27. **D.** 36.

Câu 5. Cho biểu đồ biểu diễn thời gian tự học ở nhà của An như sau:



Ngày nào trong tuần An tự học ở nhà ít nhất?

A. Thứ Tư. **B.** Thứ Sáu. **C.** Thứ Bảy. **D.** Chủ nhật.

Câu 6. Dãy phân số được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

A. $\frac{3}{4};\frac{1}{6};\frac{2}{3};\frac{5}{4}$. **B.** $\frac{1}{6};\frac{2}{3};\frac{3}{4};\frac{5}{4}$. **C.** $\frac{2}{3};\frac{1}{6};\frac{3}{4};\frac{5}{4}$. **D.** $\frac{5}{4};\frac{1}{6};\frac{2}{3};\frac{3}{4}$.

Câu 7. Hộp bút của Thảo có ba đồ dùng học tập gồm 1 bút máy, 1 bút chì và 1 bút bi. Thảo lấy ra một dụng cụ học tập từ hộp bút. Khi đó, xét các khả năng sau:

1) Thảo lấy được một cái bút bi.

2) Thảo lấy được một cái thước kẻ.

3) Thảo lấy được một cái bút.

Hỏi có bao nhiêu khả năng chắc chắn xảy ra trong các khả năng trên?

A. 0. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 3.

Câu 8. Cho: $5\,dm^2\,28\,mm^2 = \ldots\ldots\ mm^2$

Số thích hợp cần điền vào chỗ chấm là:

A. 5028. **B.** 528. **C.** 50 028. **D.** 500 028.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. So sánh các cặp phân số sau:

a) $\frac{11}{15}$ và $\frac{2}{3}$ b) $\frac{27}{28}$ và $\frac{28}{27}$

Bài 2. Tìm a, biết:

a) $a\times\frac{3}{5}=\frac{2}{3}+\frac{1}{6}$ b) $a-\frac{4}{9}=\frac{3}{7}:\frac{9}{14}$

Bài 3. Một cửa hàng có 8 bao gạo, mỗi bao chứa 50 kg gạo. Cửa hàng đã bán được $\frac{3}{4}$ số gạo đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 4. Trung bình cộng của hai phân số bằng $\frac{5}{12}$. Nếu tăng phân số thứ nhất gấp hai lần thì trung bình cộng của chúng bằng $\frac{2}{3}$. Tìm hai phân số đó.

Trả lời:.....

ĐỀ SỐ 2
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Trong các phép tính sau, phép tính có giá trị bé nhất là:

A. $1+\frac{1}{5}$. **B.** $\frac{2}{5}\times\frac{5}{2}$. **C.** $\frac{5}{4}:\frac{3}{8}$. **D.** $\frac{3}{5}\times 3$.

Câu 2. Điền số thích hợp vào ô trống: $\frac{7}{11}=\frac{\square}{55}$

A. 14. **B.** 21. **C.** 28. **D.** 35.

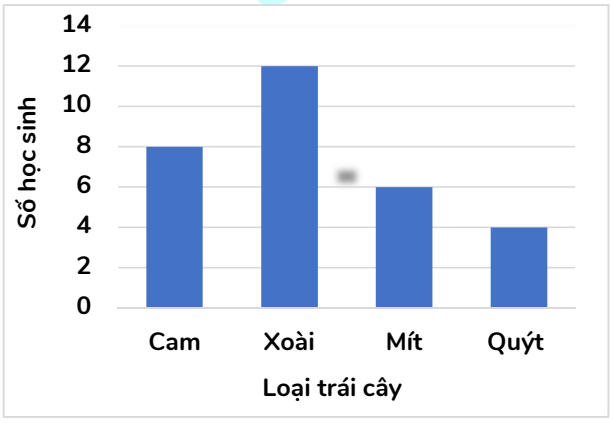
Câu 3. Rút gọn phân số $\frac{60}{90}$ đến tối giản, ta được phân số:

A. $\frac{20}{30}$. **B.** $\frac{2}{3}$. **C.** $\frac{4}{6}$. **D.** $\frac{6}{9}$.

Câu 4. Một lớp học có 17 học sinh nữ và 14 học sinh nam. Phân số chỉ số học sinh nữ so với số học sinh cả lớp là:

A. $\frac{14}{17}$. **B.** $\frac{17}{14}$. **C.** $\frac{14}{31}$. **D.** $\frac{17}{31}$.

Câu 5. Biểu đồ bên cho biết thông tin về các loại trái cây yêu thích của tất cả các bạn học sinh lớp 4A. Hỏi lớp 4A có tất cả bao nhiêu học sinh? Biết mỗi học sinh chỉ được chọn 1 loại trái cây.



A. 34 học sinh.

B. 30 học sinh.

C. 32 học sinh.

D. 36 học sinh.

Câu 6. Hình hình hành có bao nhiêu cặp cạnh đối diện song song?

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 7. Chu vi của hình thoi có độ dài cạnh $\frac{4}{5}m$ là bao nhiêu đề-xi-mét?

A. 64 dm. **B.** 32 dm. **C.** 20 dm. **D.** 25 dm.

Câu 8. Một lồng quay xổ số có chứa 10 quả bóng có cùng kích thước được đánh số từ 0 đến 9. Sau mỗi lần quay chỉ có đúng một quả bóng lọt xuống lỗ. Sau khi ghi lại số của quả bóng này, bóng được trả lại lồng để thực hiện lần quay tiếp theo. Có bao nhiêu khả năng có thể xảy ra trong mỗi lần quay?



A. 7. **B.** 8. **C.** 9. **D.** 10.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đúng ghi Đ, sai ghi S thích hợp vào ô trống:

a) 2 tấn 5 yến = 2050 kg ☐ b) 15 m^2 51 cm^2 < 15 051 cm^2 ☐

c) 24 m^2 42 dm^2 < 24 420 cm^2 ☐ d) 5 phút 25 giây = 525 giây ☐

Bài 2.

1) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{2}{3}+\frac{1}{4}$ b) $\frac{17}{24}-\frac{1}{3}$ c) $\frac{3}{4}:9$ d) $\frac{4}{15}\times\frac{5}{2}$

2) Tìm x, biết: $\left(x-\frac{1}{3}\right)+\frac{1}{4}=\frac{1}{2}$

Bài 3. Nhà Lan có mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 86 m, chiều dài hơn chiều rộng 7 m. Bố Lan sử dụng $\frac{2}{5}$ mảnh đất để đào ao, phần còn lại để làm vườn. Tính diện tích phần đất làm vườn.

Bài 4. Tính: $\left(1-\frac{1}{2024}\right)\times\left(1-\frac{1}{2023}\right)\times\left(1-\frac{1}{2022}\right)\times\left(1-\frac{1}{2021}\right)\times\left(1-\frac{1}{2020}\right)$.

Trả lời:.....

ĐỀ SỐ 3
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

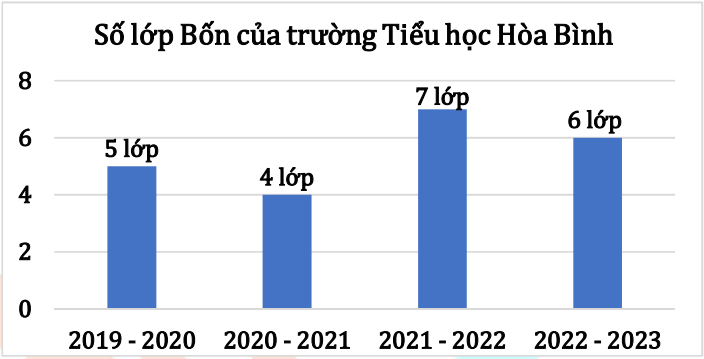
I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Trong các cặp phân số dưới đây, cặp phân số nào bằng nhau?

A. $\frac{6}{5}$ và $\frac{5}{6}$. **B.** $\frac{4}{5}$ và $\frac{5}{6}$. **C.** $\frac{4}{5}$ và $\frac{16}{20}$. **D.** $\frac{6}{5}$ và $\frac{18}{20}$.

Câu 2. Cho biểu đồ bên biểu diễn số lớp Bốn của trường Tiểu học Hòa Bình qua từng năm học.



Hỏi năm nào có số lớp Bốn nhiều nhất?

A. 2019 – 2020.

B. 2020 – 2021.

C. 2021 – 2022.

D. 2022 – 2023.

Câu 3. Tính chu vi hình bình hành, biết độ dài hai cạnh kề nhau lần lượt là 9 cm và 11 cm.

A. 40 cm. **B.** 30 cm. **C.** 20 cm. **D.** 60 cm.

Câu 4. Mẹ đi chợ mua tất cả 18 quả trứng, mẹ đã dùng $\frac{2}{3}$ số trứng đã mua. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quả trứng?

A. 9 quả. **B.** 6 quả. **C.** 12 quả. **D.** 16 quả.

Câu 5. Phân số nào sau đây bé hơn phân số $\frac{3}{7}$?

A. $\frac{3}{5}$. **B.** $\frac{9}{21}$. **C.** $\frac{6}{16}$. **D.** $\frac{8}{14}$.

Câu 6. Phân số $\frac{1}{2}$ gấp phân số $\frac{1}{36}$ mấy lần?

A. 9 lần. **B.** 15 lần. **C.** 18 lần. **D.** 16 lần.

Câu 7. Giá trị của y thỏa mãn $y \times \frac{3}{7} = \frac{9}{14}$ là:

A. $\frac{2}{3}$. **B.** $\frac{3}{2}$. **C.** $\frac{3}{7}$. **D.** $\frac{7}{3}$.

Câu 8. Trong hộp có 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ và 1 quả bóng trắng. Chọn ra từ hộp 1 quả bóng. Có bao nhiêu khả năng không thể xảy ra trong các khả năng sau?

Khả năng 1: Bóng chọn ra có màu xanh;

Khả năng 2: Bóng chọn ra không có màu xanh;

Khả năng 3: Bóng chọn ra có màu vàng;

Khả năng 4: Bóng chọn ra không có màu tím.

A. 0. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 3.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Cho bảng thống kê về số cây đã trồng được trong vườn trường của các lớp khối 4 như sau:

Lớp	4A	4B	4C	4D
Số cây	40	25	43	28

a) Lớp nào trồng được nhiều cây nhất? Lớp nào trồng được ít cây nhất?

b) Trung bình mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây?

Bài 2. Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $\frac{7}{12}+\frac{3}{4}:9$ b) $\frac{8}{9}-\frac{4}{15}\times\frac{5}{2}$ c) $\frac{10}{21}\times\frac{7}{9}+\frac{7}{9}\times\frac{11}{21}$

Bài 3. Một hình chữ nhật có trung bình cộng số đo của chiều dài và chiều rộng là $\frac{1}{4}m$, chiều dài hơn chiều rộng $\frac{1}{8}m$. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.

Bài 4. Tìm một số, biết rằng nếu bớt số đó đi $\frac{1}{4}$, rồi lại bớt đi $\frac{1}{4}$, sau đó giảm đi ba lần thì được kết quả là $\frac{1}{2}$.

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 4
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

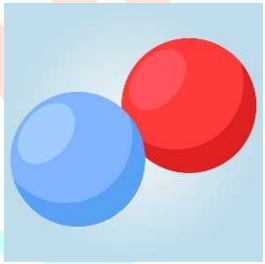
Câu 1. Trong số 213 456 100, giá trị của chữ số 1 trong lớp triệu gấp giá trị của chữ số 1 trong lớp đơn vị bao nhiêu lần?

A. 100 lần. **B.** 1000 lần. **C.** 10 000 lần. **D.** 100 000 lần.

Câu 2. Cho: ..... : 50 = 12 330
Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

A. 646 000. **B.** 616 100. **C.** 627 150. **D.** 616 500.

Câu 3. Trong một hộp có 1 quả bóng xanh và 8 quả bóng đỏ có kích thước giống nhau. Bạn An lấy ra đồng thời 2 bóng từ hộp, hỏi có tất cả bao nhiêu khả năng có thể xảy ra?



A. 3 khả năng. **B.** 2 khả năng.

C. 7 khả năng. **D.** 9 khả năng.

Câu 4. Một đội xe có 8 ô tô chở gạo. Mỗi ô tô chở được 50 bao gạo. Mỗi bao gạo nặng 40 kg. Hỏi đội xe đó chở được bao nhiêu tấn gạo?

A. 16 tấn. **B.** 160 tấn. **C.** 1600 tấn. **D.** 16 000 tấn.

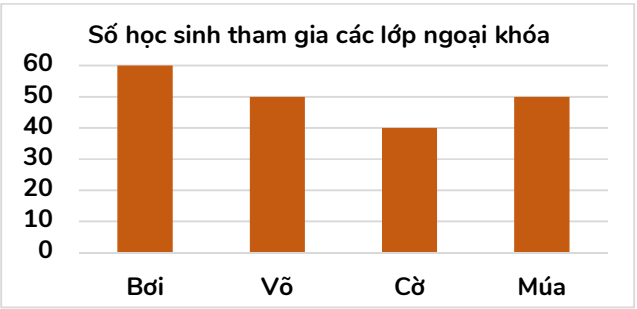
Câu 5. Trong các phân số $\frac{9}{8}; \frac{9}{9}; \frac{8}{8}; \frac{8}{9}$, phân số bé hơn 1 là:

A. $\frac{9}{8}$. **B.** $\frac{9}{9}$. **C.** $\frac{8}{8}$. **D.** $\frac{8}{9}$.

Câu 6. Giá trị của a thỏa mãn $\frac{5}{4} \times a = \frac{4}{5}$ là:

A. $\frac{4}{3}$. **B.** $\frac{3}{4}$. **C.** $\frac{16}{25}$. **D.** $\frac{25}{16}$.

Câu 7. Biểu đồ bên cho biết số học sinh tham gia các lớp ngoại khóa của một trường tiểu học:



Trung bình mỗi lớp ngoại khóa có bao nhiêu học sinh?

A. 45 học sinh. **B.** 50 học sinh.

C. 55 học sinh. **D.** 60 học sinh.

Câu 8. Điền số thích hợp vào ô trống: $\frac{12}{21} = \frac{\square}{7}$

A. 12. **B.** 21. **C.** 7. **D.** 4.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Thực hiện phép tính:

a) $\frac{1}{2}+\frac{4}{3}$ b) $\frac{2}{3}-\frac{3}{9}$ c) $\frac{4}{3}\times\frac{1}{6}$ d) $\frac{3}{8}:\frac{9}{4}$

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $20 \times 190 \times 50$ b) $(900 \times 28) : 9$ c) $769 \times 85 - 769 \times 75$

Bài 3. Một lớp học có 45 học sinh bao gồm ba loại: giỏi, khá và trung bình. Số học sinh trung bình bằng $\frac{7}{15}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng $\frac{5}{8}$ số học sinh còn lại. Tính số học sinh giỏi của lớp.

Bài 4. Tìm tích của hai số biết rằng thừa số thứ nhất là số liền sau của 299, thừa số thứ hai là tổng của số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau và số tròn chục nhỏ nhất có hai chữ số.

Trả lời: .....

ĐỀ SỐ 5
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Điền số đo diện tích thích hợp vào chỗ chấm: 3 105 dm^2 = ...

A. 31 m^2 50 dm^2. **B.** 31 m^2 5 dm^2. **C.** 3 m^2 15 dm^2. **D.** 31 m^2 15 dm^2.

Câu 2. Dấu thích hợp để điền vào các chỗ chấm của 360 × (18 – 12) = 360 ... 18 – 360 ... 12 là:

A. +. **B.** –. **C.** ×. **D.** :.

Câu 3. Thương của phép chia 35 600 : 50 là số có mấy chữ số?

A. 2 chữ số. **B.** 3 chữ số. **C.** 4 chữ số. **D.** 5 chữ số.

Câu 4. Một cửa hàng có 318 thùng dầu, mỗi thùng có 60 lít dầu. Cửa hàng đã bán đi 250 thùng dầu. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu lít dầu?



A. 408 lít dầu. **B.** 4 080 lít dầu.

C. 4 008 lít dầu. **D.** 4 800 lít dầu.

Câu 5. Trong các phân số sau, phân số nào bé nhất?

A. $\frac{6}{6}$. **B.** $\frac{8}{10}$. **C.** $\frac{12}{18}$. **D.** $\frac{11}{8}$.

Câu 6. Rút gọn phân số $\frac{9}{24}$ ta được:

A. $\frac{3}{8}$. **B.** $\frac{3}{5}$. **C.** $\frac{5}{3}$. **D.** $\frac{5}{8}$.

Câu 7. Lớp 4A có 40 học sinh, trong đó $\frac{5}{8}$ số học sinh là nữ. Lớp 4A có số học sinh nữ là:

A. 20 học sinh. **B.** 15 học sinh. **C.** 30 học sinh. **D.** 25 học sinh.

Câu 8. Một người đi xe máy 1 giờ 35 phút đi được 47 km 500 m.



Khi đó, trung bình một phút xe máy đó đi được số mét là:

A. 500 m.

B. 50 m.

C. 475 m.

D. 4 750 m.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Đặt tính rồi tính:

a) 245 645 + 124 158 b) 987 545 – 12 458 c) 1 254 × 88 d) 31 490 : 134

Bài 2. Tìm y, biết:

a) $y:\frac{3}{4}=\frac{7}{8}-\frac{1}{4}$

b) $y\times\frac{3}{5}+y\times\frac{1}{2}=\frac{11}{15}$

Bài 3. Một hình chữ nhật có trung bình cộng của chiều dài và chiều rộng là $\frac{23}{6}\ cm$, chiều dài hơn chiều rộng $\frac{7}{12}\ cm$. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 4. Tính: $A=\frac{1}{1\times2}+\frac{1}{2\times3}+\frac{1}{3\times4}+\ldots+\frac{1}{18\times19}+\frac{1}{19\times20}$.

Trả lời:.....

ĐỀ SỐ 6
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Cho: $\frac{3}{4} = \frac{6}{\ldots\ldots}$. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

A. 6. **B.** 8. **C.** 10. **D.** 12.

Câu 2. Đổi: 15 giờ 42 phút = ... phút.

A. 492. **B.** 54 042. **C.** 942. **D.** 900.

Câu 3. Số tự nhiên a bé nhất để $\frac{100}{a} < 1$ là:

A. 99. **B.** 100. **C.** 101. **D.** 102.

Câu 4. Có bao nhiêu phân số tối giản trong các phân số sau?

$$\frac{2}{3}; \frac{9}{21}; \frac{5}{17}; \frac{1}{10}; \frac{10}{15}; \frac{7}{14}$$

A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 5. Trong một phép chia có dư có: thương là số lớn nhất có ba chữ số, số dư là số lớn nhất có một chữ số và là số dư lớn nhất có thể trong phép chia đó. Vậy số bị chia là:

A. 9999. **B.** 8999. **C.** 9001. **D.** 9100.

Câu 6. Giá trị của y thỏa mãn $\frac{9}{4} \times y = \frac{27}{16} \times \frac{9}{4}$ là:

A. $\frac{9}{4}$. **B.** $\frac{4}{9}$. **C.** $\frac{27}{16}$. **D.** $\frac{16}{27}$.

Câu 7. Một trường mầm non dự định dán tranh trên tường cho 35 phòng học, mỗi phòng học dán 18 bức tranh. Giá mỗi bức tranh là 55 000 đồng. Vậy nhà trường cần trả số tiền để dán đủ số tranh đó cho tất cả các phòng học là:

A. 34 650 000 đồng. **B.** 990 000 đồng.

C. 1 925 000 đồng. **D.** 35 560 000 đồng.

Câu 8. Số cây của một đội trồng rừng trồng được theo từng năm như bảng dưới đây:

Năm	2020	2021	2022	2023
Số cây	5 720	5 670	5 760	6 570

Năm nào đội trồng rừng trồng được nhiều cây nhất?

A. Năm 2020. **B.** Năm 2021. **C.** Năm 2022. **D.** Năm 2023.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Thực hiện phép tính:

a) $\frac{3}{4}+\frac{5}{8}$ b) $3-\frac{4}{7}$ c) $\frac{6}{8}\times\frac{3}{5}$ d) $2:\frac{4}{7}$

Bài 2. Tính bằng cách thuận tiện:

a) 3254 + 146 + 1698 b) 302 × 16 + 302 × 4 c) 789 × 101 – 789

Bài 3. Một ô tô ngày thứ nhất đi được 450 km, ngày thứ hai đi được nhiều hơn ngày thứ nhất 30 km, ngày thứ ba ô tô đi được bằng $\frac{1}{2}$ quãng đường ngày thứ hai. Hỏi trung bình mỗi ngày ô tô đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài 4. Rút gọn phân số sau: $\frac{2022\times2024-1}{2022\times2023+2021}$.

Trả lời:.....

ĐỀ SỐ 7
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Cho: ..... × 18 = 360 000.

Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

A. 20. **B.** 200. **C.** 2 000. **D.** 20 000.

Câu 2. Cho các phân số: $\frac{8}{32}; \frac{3}{5}; \frac{15}{24}; \frac{7}{5}; \frac{18}{20}; \frac{59}{60}$

Có bao nhiêu phân số tối giản trong các phân số trên?

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 3. Các khối lớp 1, 2, 3, 4 có tất cả 16 lớp, trung bình mỗi lớp có 32 học sinh. Hỏi cả 4 khối có tất cả bao nhiêu học sinh?

A. 512 học sinh. **B.** 500 học sinh. **C.** 320 học sinh. **D.** 524 học sinh.

Câu 4. Có bao nhiêu số tự nhiên x thỏa mãn $\frac{x}{7} < \frac{6}{14}$?

A. 2. **B.** 3. **C.** 4. **D.** 5.

Câu 5. $\frac{8}{7}$ của 56 kg là:

A. 49 kg. **B.** 54 kg. **C.** 56 kg. **D.** 64 kg.

Câu 6. Tổng của hai phân số $\frac{3}{7}$ và $\frac{4}{5}$ là:

A. $\frac{43}{35}$. **B.** $\frac{35}{43}$. **C.** $\frac{48}{35}$. **D.** $\frac{35}{48}$.

Câu 7. Trong một phép chia cho 18 được thương là 15 và số dư là số dư lớn nhất có thể. Số bị chia trong phép chia đó là:

A. 286. **B.** 287. **C.** 288. **D.** 289.

Câu 8. Chu vi của hình thoi có cạnh $\frac{3}{4}m$ là:

A. $3m$. **B.** $\frac{3}{12}m$. **C.** $\frac{9}{12}m$. **D.** 4m.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Điền dấu ">, <, =" thích hợp vào chỗ chấm:

$3m^2\ 6dm^2$ ..... $36\ dm^2$ $5dm^2\ 99cm^2$ ..... $6\ dm^2$

$2dm^2\ 8cm^2$ ..... $208\ cm^2$ $24m^2$ ..... $240\ 000\ cm^2$

Bài 2. Thực hiện phép tính:

a) $\frac{3}{8}+\frac{1}{16}:\frac{5}{4}$ b) $\frac{12}{37}+\frac{41}{39}+\frac{62}{37}-\frac{2}{39}$ c) $\frac{14}{15}\times\frac{4}{7}+\frac{14}{15}\times\frac{2}{7}+\frac{14}{15}\times\frac{1}{7}$

Bài 3. Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 70 m, chiều rộng kém chiều dài 10 m. Người ta dùng $\frac{3}{5}$ diện tích đất để trồng cây ăn quả, $\frac{1}{4}$ diện tích đất để trồng hoa, còn lại làm nhà ở. Hỏi diện tích làm nhà ở là bao nhiêu mét vuông?

Bài 4. Tìm y, biết: $y\times\frac{1}{2}+y:\frac{2}{3}=5$.

Trả lời:.....

ĐỀ SỐ 8
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Trong số 683 941, giá trị của chữ số 8 gấp giá trị của chữ số 4 bao nhiêu lần?

A. 2 000 lần. **B.** 1 000 lần. **C.** 20 000 lần. **D.** 10 000 lần.

Câu 2. Trong các phép tính sau, phép tính nào có giá trị lớn nhất?

A. $\frac{2}{3}+\frac{1}{2}$. **B.** $\frac{3}{2}-\frac{4}{5}$. **C.** $\frac{1}{2}\times\frac{3}{7}$. **D.** $\frac{2}{3}:\frac{3}{2}$.

Câu 3. Điền số thích hợp vào chỗ chấm: 5 m^2 8 dm^2 = ... dm^2

A. 58. **B.** 508. **C.** 580. **D.** 5 008.

Câu 4. Quãng đường từ nhà đến trạm xe bus dài 75 m. Bạn An đã đi được $\frac{2}{3}$ quãng đường. Hỏi bạn An phải đi bao nhiêu mét nữa mới đến trạm xe bus?

A. 15 m. **B.** 35 m. **C.** 25 m. **D.** 50 m.

Câu 5. Mẫu số nào dưới đây là một mẫu số chung của các phân số $\frac{5}{12}; \frac{7}{24}; \frac{1}{6}$?

A. 23. **B.** 24. **C.** 25. **D.** 26.

Câu 6. Cho: $\frac{\square}{9}=\frac{4}{36}$

Số thích hợp để điền vào ô trống là:

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 7. Linh mua 25 quyển vở, Hằng mua 20 quyển vở. Biết mỗi quyển vở có giá 5 000 đồng. Vậy cả hai bạn mua hết số tiền là:

A. 235 000 đồng. **B.** 230 000 đồng. **C.** 220 000 đồng. **D.** 225 000 đồng.

Câu 8. Giá trị của x thỏa mãn $\frac{3}{2}-x=\frac{5}{6}$ là:

A. $\frac{2}{3}$. **B.** $\frac{3}{2}$. **C.** $\frac{7}{3}$. **D.** $\frac{3}{7}$.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Tính giá trị các biểu thức sau:

a) $\frac{1}{5}+\frac{4}{11}+\frac{4}{5}+\frac{7}{11}$ b) $\frac{7}{19}\times\frac{1}{3}+\frac{7}{19}\times\frac{2}{3}$ c) $\frac{3}{5}\times\frac{8}{27}\times\frac{25}{3}$

Bài 2. Một hình chữ nhật có chu vi là $\frac{23}{6}\,cm$, chiều dài hơn chiều rộng $\frac{7}{12}\,cm$. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Bài 3. Bốn thửa ruộng thu hoạch được tất cả 1 tấn thóc. Số thóc thu hoạch ở ba thửa ruộng đầu lần lượt bằng $\frac{1}{4}, \frac{2}{5}$ và $\frac{3}{20}$ tổng số thóc thu hoạch được ở cả bốn thửa. Tính khối lượng thóc thu hoạch được ở thửa ruộng thứ tư.

Bài 4. Có tất cả bao nhiêu số tự nhiên y thỏa mãn $\frac{6}{16}:\frac{3}{16}<y<\frac{13}{4}+\frac{7}{4}$?

Trả lời:.....

ĐỀ SỐ 9
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN (4,0 điểm)

Hãy chọn phương án đúng

Câu 1. Phân số nào dưới đây có giá trị bằng 4?

A. $\frac{64}{36}$. **B.** $\frac{96}{24}$. **C.** $\frac{1}{4}$. **D.** $\frac{12}{48}$.

Câu 2. Phép so sánh nào dưới đây không đúng?

A. $\frac{7}{5} > \frac{5}{6}$. **B.** $\frac{8}{25} > \frac{8}{21}$. **C.** $\frac{16}{15} = \frac{48}{45}$. **D.** $\frac{27}{81} < \frac{7}{9}$.

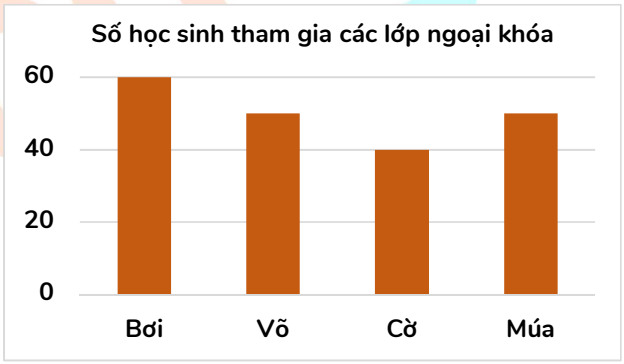
Câu 3. Cho: $20m^2\ 4dm^2 = ...\ cm^2$. Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

A. 2 004. **B.** 200 004. **C.** 200 400. **D.** 240 000.

Câu 4. Một cửa sổ hình vuông có diện tích là 90 000cm^2. Chu vi cửa sổ hình vuông đó là:

A. 3cm. **B.** 12cm. **C.** 3m. **D.** 12m.

Câu 5. Biểu đồ bên cho biết số học sinh tham gia các lớp ngoại khóa của một trường tiểu học. Lớp ngoại khóa nào có nhiều học sinh tham gia nhất?



A. Bơi.

B. Võ.

C. Cờ.

D. Múa.

Câu 6. Hình bình hành có …….. cặp cạnh song song.

Số thích hợp để điền vào chỗ chấm là:

A. 1. **B.** 2. **C.** 3. **D.** 4.

Câu 7. Ba bạn cùng giải một bài toán, bạn Hoàng giải hết $\frac{1}{5}$ giờ, bạn Hồng giải hết 12 phút, còn bạn Hiếu giải hết số thời gian gấp hai lần bạn Hoàng. Hỏi trung bình mỗi bạn giải bài toán đó trong bao nhiêu phút?

A. 16 phút. **B.** 17 phút. **C.** 18 phút. **D.** 19 phút.

Câu 8. Trong hộp có 1 quả bóng xanh, 1 quả bóng đỏ và 1 quả bóng trắng. Chọn ra từ hộp 1 quả bóng. Có bao nhiêu khả năng chắc chắn xảy ra trong các khả năng sau:
Khả năng 1: Bóng chọn ra có màu xanh;
Khả năng 2: Bóng chọn ra không có màu xanh;
Khả năng 3: Bóng chọn ra có màu vàng;
Khả năng 4: Bóng chọn ra không có màu tím.

A. 0. **B.** 1. **C.** 2. **D.** 3.

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1. Tính giá trị của biểu thức:

a) $\frac{4}{3}-\frac{1}{4}\times\frac{5}{2}$

b) $\left(\frac{3}{2}-\frac{3}{8}\right):2$

Bài 2. Tổng số tuổi của hai ông cháu hiện nay là 68 tuổi, biết rằng cách đây 5 năm cháu kém ông 52 tuổi. Tính tuổi của mỗi người hiện nay.

Bài 3. Một bao chứa 16 kg bột mì. Người ta đã bán được $\frac{3}{4}$ số bột mì trong bao. Số bột mì còn lại người ta chia đều vào các túi, mỗi túi $\frac{4}{5}kg$. Hỏi chia được tất cả bao nhiêu túi bột mì như vậy?

Bài 4. Tính giá trị của biểu thức: $\frac{3}{2\times5}+\frac{3}{5\times8}+\frac{3}{8\times11}+\ldots+\frac{3}{17\times20}$.

Trả lời: .....

B. HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

ĐỀ SỐ 1
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	C	C	D	B	B	C

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). So sánh các cặp phân số sau:

a) $\frac{11}{15}$ và $\frac{2}{3}$

b) $\frac{27}{28}$ và $\frac{28}{27}$

Lời giải

a) $\frac{11}{15}$ và $\frac{2}{3}$

Giữ nguyên phân số $\frac{11}{15}$.

$\frac{2}{3}=\frac{2\times5}{3\times5}=\frac{10}{15}$

Vì $\frac{11}{15}>\frac{10}{15}$ nên $\frac{11}{15}>\frac{2}{3}$.

b) $\frac{27}{28}$ và $\frac{28}{27}$

Ta có: $\frac{27}{28}<1$ và $\frac{28}{27}>1$

Suy ra, $\frac{27}{28}<1<\frac{28}{27}$.

Vậy $\frac{27}{28}<\frac{28}{27}$.

Bài 2 (1,5 điểm). Tìm a, biết:

a) $a\times\frac{3}{5}=\frac{2}{3}+\frac{1}{6}$

b) $a-\frac{4}{9}=\frac{3}{7}:\frac{9}{14}$

Lời giải

a)

$a\times\frac{3}{5}=\frac{2}{3}+\frac{1}{6}$

$a\times\frac{3}{5}=\frac{4}{6}+\frac{1}{6}$

$a\times\frac{3}{5}=\frac{5}{6}$

$a=\frac{5}{6}:\frac{3}{5}$

$a=\frac{25}{18}$.

b)

$a-\frac{4}{9}=\frac{3}{7}:\frac{9}{14}$

$a-\frac{4}{9}=\frac{2}{3}$

$a=\frac{2}{3}+\frac{4}{9}$

$a=\frac{6}{9}+\frac{4}{9}$

$a=\frac{10}{9}$.

Bài 3 (2 điểm). Một cửa hàng có 8 bao gạo, mỗi bao chứa 50 kg gạo. Cửa hàng đã bán được $\frac{3}{4}$ số gạo đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Lời giải

Cửa hàng có số ki-lô-gam gạo là: $50 \times 8 = 400$ (kg)

Cửa hàng bán được số ki-lô-gam gạo là: $400 : 4 \times 3 = 300$ (kg)

Cửa hàng còn lại số ki-lô-gam gạo là: $400 - 300 = 100$ (kg)

Đáp số: 100 kg gạo.

Bài 4 (0,5 điểm). Trung bình cộng của hai phân số bằng $\frac{5}{12}$. Nếu tăng phân số thứ nhất gấp hai lần thì trung bình cộng của chúng bằng $\frac{2}{3}$. Tìm hai phân số đó.

Trả lời:.....

Lời giải

Trả lời: Phân số thứ nhất $\frac{1}{2}$, Phân số thứ hai $\frac{1}{3}$

Tổng của hai phân số ban đầu là: $\frac{5}{12} \times 2 = \frac{5}{6}$

Sau khi tăng phân số thứ nhất gấp hai lần thì tổng của phân số mới và phân số thứ hai là:

$\frac{2}{3} \times 2 = \frac{4}{3}$

Tổng của phân số thứ nhất và phân số thứ hai là: $\frac{5}{6}$

Tổng của hai lần phân số thứ nhất và phân số thứ hai là: $\frac{4}{3}$

Phân số thứ nhất là: $\frac{4}{3} - \frac{5}{6} = \frac{1}{2}$

Phân số thứ hai là: $\frac{5}{6} - \frac{1}{2} = \frac{1}{3}$

ĐỀ SỐ 2
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	D	B	D	B	B	B	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Đúng ghi Đ, sai ghi S thích hợp vào ô trống:

a) 2 tấn 5 yến = 2050 kg ☐ b) 15 m^2 51 cm^2 < 15 051 cm^2 ☐

c) 24 m^2 42 dm^2 < 24 420 cm^2 ☐ d) 5 phút 25 giây = 525 giây ☐

Lời giải

a) **Đ** b) **S** c) **S** d) **S**

Bài 2 (1,5 điểm).

1) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{2}{3}+\frac{1}{4}$ b) $\frac{17}{24}-\frac{1}{3}$ c) $\frac{3}{4}:9$ d) $\frac{4}{15}\times\frac{5}{2}$

2) Tìm x, biết: $\left(x-\frac{1}{3}\right)+\frac{1}{4}=\frac{1}{2}$

Lời giải

1) Thực hiện phép tính:

a) $\frac{2}{3}+\frac{1}{4}=\frac{8}{12}+\frac{3}{12}=\frac{11}{12}$

b) $\frac{17}{24}-\frac{1}{3}=\frac{17}{24}-\frac{8}{24}=\frac{9}{24}=\frac{3}{8}$

c) $\frac{3}{4}:9=\frac{3}{4}\times\frac{1}{9}=\frac{1}{12}$

d) $\frac{4}{15}\times\frac{5}{2}=\frac{4\times5}{15\times2}=\frac{2\times2\times5}{5\times3\times2}=\frac{2}{3}$

2) Tìm x, biết: $\left(x-\frac{1}{3}\right)+\frac{1}{4}=\frac{1}{2}$

$\left(x-\frac{1}{3}\right)+\frac{1}{4}=\frac{1}{2}$

$x-\frac{1}{3}=\frac{1}{2}-\frac{1}{4}$

$x-\frac{1}{3}=\frac{2}{4}-\frac{1}{4}$

$x-\frac{1}{3}=\frac{1}{4}$

$x=\frac{1}{4}+\frac{1}{3}$

$x=\frac{3}{12}+\frac{4}{12}$

$x=\frac{7}{12}$

Bài 3 (2 điểm). Nhà Lan có mảnh đất hình chữ nhật có chu vi là 86 m, chiều dài hơn chiều rộng 7 m. Bố Lan sử dụng $\frac{2}{5}$ mảnh đất để đào ao, phần còn lại để làm vườn. Tính diện tích phần đất làm vườn.

Lời giải

Nửa chu vi mảnh đất là: 86 : 2 = 43 (m)

Chiều dài mảnh đất là: (43 + 7) : 2 = 25 (m)

Chiều rộng mảnh đất là: 43 – 25 = 18 (m)

Diện tích mảnh đất là: 25 × 18 = 450 (m^2)

Diện tích đất để đào ao là: 450 : 5 × 2 = 180 (m^2)

Diện tích phần đất làm vườn là: 450 – 180 = 270 (m^2)

Đáp số: 270m^2

Bài 4 (0,5 điểm). Tính: $\left(1-\frac{1}{2024}\right)\times\left(1-\frac{1}{2023}\right)\times\left(1-\frac{1}{2022}\right)\times\left(1-\frac{1}{2021}\right)\times\left(1-\frac{1}{2020}\right)$

Trả lời:.....

Lời giải

Trả lời: $\frac{2019}{2024}$

$$\left(1-\frac{1}{2024}\right)\times\left(1-\frac{1}{2023}\right)\times\left(1-\frac{1}{2022}\right)\times\left(1-\frac{1}{2021}\right)\times\left(1-\frac{1}{2020}\right)$$

$$=\left(\frac{2024}{2024}-\frac{1}{2024}\right)\times\left(\frac{2023}{2023}-\frac{1}{2023}\right)\times\left(\frac{2022}{2022}-\frac{1}{2022}\right)\times\left(\frac{2021}{2021}-\frac{1}{2021}\right)\times\left(\frac{2020}{2020}-\frac{1}{2020}\right)$$

$$=\frac{\cancel{2023}}{2024}\times\frac{\cancel{2022}}{\cancel{2023}}\times\frac{\cancel{2021}}{\cancel{2022}}\times\frac{\cancel{2020}}{\cancel{2021}}\times\frac{2019}{\cancel{2020}}$$

$$=\frac{2019}{2024}$$

ĐỀ SỐ 3
SÁCH CÁNH DIỀU

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	C	A	B	C	C	B	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Cho bảng thống kê về số cây đã trồng được trong vườn trường của các lớp khối 4 như sau:

Lớp	4A	4B	4C	4D
Số cây	40	25	43	28

a) Lớp nào trồng được nhiều cây nhất? Lớp nào trồng được ít cây nhất?

b) Trung bình mỗi lớp trồng được bao nhiêu cây?

Lời giải

Quan sát bảng trên, ta thấy:

Lớp 4A trồng được: 40 cây Lớp 4B trồng được: 25 cây

Lớp 4C trồng được: 43 cây Lớp 4D trồng được: 28 cây

a) Vì $25 < 28 < 40 < 43$ nên lớp 4C trồng được nhiều cây nhất, lớp 4B trồng được ít cây nhất.

b) Trung bình mỗi lớp trồng được số cây là: $(40 + 25 + 43 + 28) : 4 = 34$ (cây)

Đáp số: a) Nhiều nhất: Lớp 4C; Ít nhất: Lớp 4B; b) 34 cây.

Bài 2 (1,5 điểm). Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $\frac{7}{12}+\frac{3}{4}:9$ b) $\frac{8}{9}-\frac{4}{15}\times\frac{5}{2}$ c) $\frac{10}{21}\times\frac{7}{9}+\frac{7}{9}\times\frac{11}{21}$

Lời giải

a) $\frac{7}{12}+\frac{3}{4}:9=\frac{7}{12}+\frac{3}{4}\times\frac{1}{9}=\frac{7}{12}+\frac{1}{12}=\frac{8}{12}=\frac{2}{3}$

b) $\frac{8}{9}-\frac{4}{15}\times\frac{5}{2}=\frac{8}{9}-\frac{2}{3}=\frac{8}{9}-\frac{6}{9}=\frac{2}{9}$

c) $\frac{10}{21}\times\frac{7}{9}+\frac{7}{9}\times\frac{11}{21}=\frac{7}{9}\times\left(\frac{10}{21}+\frac{11}{21}\right)=\frac{7}{9}\times\frac{21}{21}=\frac{7}{9}\times1=\frac{7}{9}$

Bài 3 (2 điểm). Một hình chữ nhật có trung bình cộng số đo của chiều dài và chiều rộng là $\frac{1}{4}m$, chiều dài hơn chiều rộng $\frac{1}{8}m$. Tính diện tích của hình chữ nhật đó.

Lời giải

Tổng chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật là: $\frac{1}{4}\times 2=\frac{1}{2}\left(m\right)$

Chiều dài của hình chữ nhật là: $\left(\frac{1}{2}+\frac{1}{8}\right):2=\frac{5}{16}\left(m\right)$

Chiều rộng của hình chữ nhật là: $\frac{1}{2}-\frac{5}{16}=\frac{3}{16}\left(m\right)$

Diện tích của hình chữ nhật là: $\frac{5}{16}\times\frac{3}{16}=\frac{15}{256}\left(m^2\right)$

Đáp số: $\frac{15}{256}m^2$

Bài 4 (0,5 điểm). Tìm một số, biết rằng nếu bớt số đó đi $\frac{1}{4}$, rồi lại bớt đi $\frac{1}{4}$, sau đó giảm đi ba lần thì được kết quả là $\frac{1}{2}$.

Trả lời:.....

Lời giải

Trả lời: 2

Số cần tìm là: $\frac{1}{2}\times 3+\frac{1}{4}+\frac{1}{4}=2$

ĐỀ SỐ 4
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	D	B	A	D	C	B	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $\frac{1}{2}+\frac{4}{3}$ b) $\frac{2}{3}-\frac{3}{9}$ c) $\frac{4}{3}\times\frac{1}{6}$ d) $\frac{3}{8}:\frac{9}{4}$

Lời giải

a) $\frac{1}{2}+\frac{4}{3}=\frac{3}{6}+\frac{8}{6}=\frac{11}{6}$

b) $\frac{2}{3}-\frac{3}{9}=\frac{2}{3}-\frac{1}{3}=\frac{1}{3}$

c) $\frac{4}{3}\times\frac{1}{6}=\frac{4\times1}{3\times6}=\frac{2}{9}$

d) $\frac{3}{8}:\frac{9}{4}=\frac{3}{8}\times\frac{4}{9}=\frac{1}{6}$

Bài 2 (1,5 điểm). Tính bằng cách thuận tiện nhất:

a) $20\times190\times50$ b) $(900\times28):9$ c) $769\times85-769\times75$

Lời giải

a) $20\times190\times50=(20\times50)\times190=1000\times190=$ **190 000**.

b) $(900\times28):9=(900:9)\times28=100\times28=$ **2800**.

c) $769\times85-769\times75=769\times(85-75)=769\times10=$ **7690**.

Bài 3 (2 điểm). Một lớp học có 45 học sinh bao gồm ba loại: giỏi, khá và trung bình. Số học sinh trung bình bằng $\frac{7}{15}$ số học sinh cả lớp. Số học sinh khá bằng $\frac{5}{8}$ số học sinh còn lại. Tính số học sinh giỏi của lớp.

Lời giải

Số học sinh trung bình là: $45:15\times7=21$ (học sinh)

Số học sinh còn lại là: $45-21=24$ (học sinh)

Số học sinh khá là: $24:8\times5=15$ (học sinh)

Số học sinh giỏi là: $24-15=9$ (học sinh)

Đáp số: 9 học sinh

Bài 4 (0,5 điểm). Tìm tích của hai số biết rằng thừa số thứ nhất là số liền sau của 299, thừa số thứ hai là tổng của số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau và số tròn chục nhỏ nhất có hai chữ số.

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: 6300

Số liền sau của 299 là 300 nên thừa số thứ nhất là 300.

Số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau là 11, số tròn chục nhỏ nhất có hai chữ số là 10.

Vì thừa số thứ hai là tổng của số nhỏ nhất có hai chữ số giống nhau và số tròn chục nhỏ nhất có hai chữ số nên thừa số thứ hai là: $11 + 10 = 21$

Tích hai số đó là: $300 \times 21 = 6300$.

ĐỀ SỐ 5
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	B	B	C	A	D	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Đặt tính rồi tính:

a) 245 645 + 124 158 b) 987 545 – 12 458 c) 1 254 × 88 d) 31 490 : 134

Lời giải

a) 245 645 + 124 158 = **369 803**

b) 987 545 – 12 458 = **975 087**

c) 1 254 × 88 = **110 352**

d) 31 490 : 134 = **235**

(học sinh tự đặt tính và tính)

Bài 2 (1,5 điểm). Tìm y, biết:

a) $y:\frac{3}{4}=\frac{7}{8}-\frac{1}{4}$

b) $y\times\frac{3}{5}+y\times\frac{1}{2}=\frac{11}{15}$

Lời giải

a)

$y:\frac{3}{4}=\frac{7}{8}-\frac{1}{4}$

$y:\frac{3}{4}=\frac{5}{8}$

$y=\frac{5}{8}\times\frac{3}{4}$

$y=\frac{15}{32}$

b)

$y\times\frac{3}{5}+y\times\frac{1}{2}=\frac{11}{15}$

$y\times\left(\frac{3}{5}+\frac{1}{2}\right)=\frac{11}{15}$

$y\times\frac{11}{10}=\frac{11}{15}$

$y=\frac{11}{15}:\frac{11}{10}$

$y=\frac{2}{3}$

Bài 3 (2 điểm). Một hình chữ nhật có trung bình cộng của chiều dài và chiều rộng là $\frac{23}{6}cm$, chiều dài hơn chiều rộng $\frac{7}{12}cm$. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Lời giải

Tổng chiều dài và chiều rộng của hình chữ nhật là: $\frac{23}{6}\times 2=\frac{23}{3}\left(cm\right)$

Chiều dài của hình chữ nhật là: $\left(\frac{23}{3}+\frac{7}{12}\right):2=\frac{33}{8}\left(cm\right)$

Chiều rộng của hình chữ nhật là: $\frac{33}{8}-\frac{7}{12}=\frac{85}{24}\left(cm\right)$

Diện tích của hình chữ nhật là: $\frac{33}{8}\times\frac{85}{24}=\frac{935}{64}\left(cm^2\right)$

Đáp số: $\frac{935}{64}cm^2$

Bài 4 (0,5 điểm). Tính: $A=\frac{1}{1\times 2}+\frac{1}{2\times 3}+\frac{1}{3\times 4}+\ldots+\frac{1}{18\times 19}+\frac{1}{19\times 20}$

Trả lời:.....

Lời giải

Trả lời: $A=\frac{19}{20}$

$A=\frac{1}{1\times 2}+\frac{1}{2\times 3}+\frac{1}{3\times 4}+\ldots+\frac{1}{18\times 19}+\frac{1}{19\times 20}$

$A=1-\frac{1}{2}+\frac{1}{2}-\frac{1}{3}+\frac{1}{3}-\frac{1}{4}+\ldots+\frac{1}{18}-\frac{1}{19}+\frac{1}{19}-\frac{1}{20}$

$A=1-\frac{1}{20}$

$A=\frac{19}{20}$

ĐỀ SỐ 6
SÁCH KẾT NỐI TRI THỨC

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	C	C	B	A	C	A	D

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $\frac{3}{4}+\frac{5}{8}$ b) $3-\frac{4}{7}$ c) $\frac{6}{8}\times\frac{3}{5}$ d) $2:\frac{4}{7}$

Lời giải

a) $\frac{3}{4}+\frac{5}{8}=\frac{6}{8}+\frac{5}{8}=\frac{11}{8}$

b) $3-\frac{4}{7}=\frac{21}{7}-\frac{4}{7}=\frac{17}{7}$

c) $\frac{6}{8}\times\frac{3}{5}=\frac{18}{40}=\frac{9}{20}$

d) $2:\frac{4}{7}=2\times\frac{7}{4}=\frac{14}{4}=\frac{7}{2}$

Bài 2 (1,5 điểm). Tính bằng cách thuận tiện:

a) 3254 + 146 + 1698 b) 302 × 16 + 302 × 4 c) 789 × 101 – 789

Lời giải

a) 3254 + 146 + 1698 = 3400 + 1698 = **5098**.

b) 302 × 16 + 302 × 4 = 302 × (16 + 4) = 302 × 20 = **6040**.

c) 789 × 101 – 789 = 789 × 101 – 789 × 1 = 789 × (101 – 1) = 789 × 100 = **78 900**.

Bài 3 (2 điểm). Một ô tô ngày thứ nhất đi được 450 km, ngày thứ hai đi được nhiều hơn ngày thứ nhất 30 km, ngày thứ ba ô tô đi được bằng $\frac{1}{2}$ quãng đường ngày thứ hai. Hỏi trung bình mỗi ngày ô tô đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

Lời giải

Ngày thứ hai ô tô đi được số ki-lô-mét là: 450 + 30 = 480 (km)

Ngày thứ ba ô tô đi được số ki-lô-mét là: 480 : 2 = 240 (km)

Trung bình mỗi ngày ô tô đi được số ki-lô-mét là: (450 + 480 + 240) : 3 = 390 (km)

Đáp số: 390 km

Bài 4 (0,5 điểm). Rút gọn phân số sau: $\frac{2022\times2024-1}{2022\times2023+2021}$

Trả lời:.....

Lời giải

Trả lời: 1

$$\frac{2022\times2024-1}{2022\times2023+2021}$$

$$=\frac{2022\times(2023+1)-1}{2022\times2023+2021}$$

$$=\frac{2022\times2023+2022-1}{2022\times2023+2021}$$

$$=\frac{2022\times2023+2021}{2022\times2023+2021}$$

$$=1$$

ĐỀ SỐ 7
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	D	C	A	B	D	A	B	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Điền dấu ">, <, =" thích hợp vào chỗ chấm:

$3m^2\ 6dm^2$ ..... $36\ dm^2$ $\quad$ $5dm^2\ 99cm^2$ ..... $6\ dm^2$

$2dm^2\ 8cm^2$ ..... $208\ cm^2$ $\quad$ $24m^2$ ..... $240\ 000\ cm^2$

Lời giải

$3m^2\ 6dm^2 > 36\ dm^2$ $\quad$ $5dm^2\ 99cm^2 < 6\ dm^2$

$2dm^2\ 8cm^2 = 208\ cm^2$ $\quad$ $24m^2 = 240\ 000\ cm^2$

Bài 2 (1,5 điểm). Thực hiện phép tính:

a) $\frac{3}{8}+\frac{1}{16}:\frac{5}{4}$ $\quad$ b) $\frac{12}{37}+\frac{41}{39}+\frac{62}{37}-\frac{2}{39}$ $\quad$ c) $\frac{14}{15}\times\frac{4}{7}+\frac{14}{15}\times\frac{2}{7}+\frac{14}{15}\times\frac{1}{7}$

Lời giải

a) $\frac{3}{8}+\frac{1}{16}:\frac{5}{4}=\frac{3}{8}+\frac{1}{16}\times\frac{4}{5}=\frac{3}{8}+\frac{1}{20}=\frac{17}{40}$

b) $\frac{12}{37}+\frac{41}{39}+\frac{62}{37}-\frac{2}{39}=\left(\frac{12}{37}+\frac{62}{37}\right)+\left(\frac{41}{39}-\frac{2}{39}\right)=\frac{74}{37}+\frac{39}{39}=2+1=3$

c) $\frac{14}{15}\times\frac{4}{7}+\frac{14}{15}\times\frac{2}{7}+\frac{14}{15}\times\frac{1}{7}=\frac{14}{15}\times\left(\frac{4}{7}+\frac{2}{7}+\frac{1}{7}\right)=\frac{14}{15}\times1=\frac{14}{15}$

Bài 3 (2 điểm). Một mảnh đất hình chữ nhật có nửa chu vi là 70 m, chiều rộng kém chiều dài 10 m. Người ta dùng $\frac{3}{5}$ diện tích đất để trồng cây ăn quả, $\frac{1}{4}$ diện tích đất để trồng hoa, còn lại làm nhà ở. Hỏi diện tích làm nhà ở là bao nhiêu mét vuông?

Lời giải

Chiều dài mảnh đất là: $(70 + 10) : 2 = 40$ (m)

Chiều rộng mảnh đất là: $70 - 40 = 30$ (m)

Diện tích mảnh đất là: $40 \times 30 = 1200$ (m^2)

Diện tích trồng cây ăn quả là: $1200 : 5 \times 3 = 720$ (m^2)

Diện tích trồng hoa là: $1200 : 4 \times 1 = 300$ (m^2)

Diện tích làm nhà ở là: $1200 - 300 - 720 = 180$ (m^2)

Đáp số: 180 m^2

Bài 4 (0,5 điểm). Tìm y, biết: $y \times \frac{1}{2} + y : \frac{2}{3} = 5$

Trả lời:.....

Lời giải

Trả lời: $y = \frac{5}{2}$

$y \times \frac{1}{2} + y : \frac{2}{3} = 5$

$y \times \frac{1}{2} + y \times \frac{3}{2} = 5$

$y \times \left(\frac{1}{2} + \frac{3}{2}\right) = 5$

$y \times 2 = 5$

$y = 5 : 2$

$y = \frac{5}{2}$

ĐỀ SỐ 8
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	A	B	C	B	A	D	A

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Tính giá trị của các biểu thức sau:

a) $\frac{1}{5}+\frac{4}{11}+\frac{4}{5}+\frac{7}{11}$ b) $\frac{7}{19}\times\frac{1}{3}+\frac{7}{19}\times\frac{2}{3}$ c) $\frac{3}{5}\times\frac{8}{27}\times\frac{25}{3}$

Lời giải

a) $\frac{1}{5}+\frac{4}{11}+\frac{4}{5}+\frac{7}{11}=\left(\frac{1}{5}+\frac{4}{5}\right)+\left(\frac{4}{11}+\frac{7}{11}\right)=\frac{5}{5}+\frac{11}{11}=1+1=2$

b) $\frac{7}{19}\times\frac{1}{3}+\frac{7}{19}\times\frac{2}{3}=\frac{7}{19}\times\left(\frac{1}{3}+\frac{2}{3}\right)=\frac{7}{19}\times 1=\frac{7}{19}$

c) $\frac{3}{5}\times\frac{8}{27}\times\frac{25}{3}=\frac{3\times 8\times 25}{5\times 27\times 3}=\frac{3\times 8\times 5\times 5}{5\times 27\times 3}=\frac{40}{27}$

Bài 2 (1,5 điểm). Một hình chữ nhật có chu vi là $\frac{23}{6}\,cm$, chiều dài hơn chiều rộng $\frac{7}{12}\,cm$. Tính diện tích hình chữ nhật đó.

Lời giải

Nửa chu vi của hình chữ nhật là: $\frac{23}{6}:2=\frac{23}{12}\left(cm\right)$

Chiều dài của hình chữ nhật là: $\left(\frac{23}{12}+\frac{7}{12}\right):2=\frac{5}{4}\left(cm\right)$

Chiều rộng của hình chữ nhật là: $\frac{5}{4}-\frac{7}{12}=\frac{2}{3}\left(cm\right)$

Diện tích của hình chữ nhật là: $\frac{5}{4}\times\frac{2}{3}=\frac{5}{6}\left(cm^2\right)$

Đáp số: $\frac{5}{6}cm^2$

Bài 3 (2 điểm). Bốn thửa ruộng thu hoạch được tất cả 1 tấn thóc. Số thóc thu hoạch ở ba thửa ruộng đầu lần lượt bằng $\frac{1}{4}, \frac{2}{5}$ và $\frac{3}{20}$ tổng số thóc thu hoạch được ở cả bốn thửa. Tính khối lượng thóc thu hoạch được ở thửa ruộng thứ tư.

Lời giải

Đổi: 1 tấn = 1000 kg

Phân số chỉ số thóc thu hoạch được ở thửa ruộng thứ tư là:

$1-\left(\frac{1}{4}+\frac{2}{5}+\frac{3}{20}\right)=\frac{1}{5}$ (tổng số thóc thu hoạch được ở cả bốn thửa)

Khối lượng thóc thu hoạch được ở thửa ruộng thứ tư là:

$1000 : 5 \times 1 = 200$ (kg)

Đáp số: 200 kg

Bài 4 (0,5 điểm). Có tất cả bao nhiêu số tự nhiên y thỏa mãn $\frac{6}{16}:\frac{3}{16}<y<\frac{13}{4}+\frac{7}{4}$?

Trả lời:.....

Lời giải

Trả lời: 2

Ta có:

$\frac{6}{16}:\frac{3}{16}=\frac{6}{16}\times\frac{16}{3}=2$

$\frac{13}{4}+\frac{7}{4}=\frac{20}{4}=5$

Mà $\frac{6}{16}:\frac{3}{16}<y<\frac{13}{4}+\frac{7}{4}$ nên $2<y<5$ và y là số tự nhiên nên y = 3; y = 4.

Vậy có 2 số tự nhiên y thỏa mãn đề bài.

ĐỀ SỐ 9
SÁCH CHÂN TRỜI SÁNG TẠO

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ II

Năm học: 2024 – 2025
Môn: Toán lớp 4
Thời gian làm bài: 40 phút
(Không kể thời gian giao đề)

I. TRẮC NGHIỆM (4,0 điểm)

Mỗi câu đúng được 0,5 điểm

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	B	B	C	D	A	B	A	B

II. TỰ LUẬN (6,0 điểm)

Bài 1 (2 điểm). Tính giá trị của biểu thức:

a) $\frac{4}{3}-\frac{1}{4}\times\frac{5}{2}$ b) $\left(\frac{3}{2}-\frac{3}{8}\right):2$

Lời giải

a) $\frac{4}{3}-\frac{1}{4}\times\frac{5}{2}=\frac{4}{3}-\frac{5}{8}=\frac{32}{24}-\frac{15}{24}=\frac{17}{24}$

b) $\left(\frac{3}{2}-\frac{3}{8}\right):2=\left(\frac{12}{8}-\frac{3}{8}\right):2=\frac{9}{8}:2=\frac{9}{8}\times\frac{1}{2}=\frac{9}{16}$

Bài 2 (1,5 điểm). Tổng số tuổi của hai ông cháu hiện nay là 68 tuổi, biết rằng cách đây 5 năm cháu kém ông 52 tuổi. Tính tuổi của mỗi người hiện nay.

Lời giải

Vì mỗi năm, mỗi người tăng thêm một tuổi nên hiệu số tuổi của hai người không thay đổi qua các năm. Do đó, hiện nay ông vẫn hơn cháu 52 tuổi.

Tuổi của ông hiện nay là: $(68 + 52) : 2 = 60$ (tuổi)

Tuổi của cháu hiện nay là: $68 - 60 = 8$ (tuổi)

Đáp số: Ông: 60 tuổi; Cháu: 8 tuổi

Bài 3 (2 điểm). Một bao chứa 16 kg bột mì. Người ta đã bán được $\frac{3}{4}$ số bột mì trong bao. Số bột mì còn lại người ta chia đều vào các túi, mỗi túi $\frac{4}{5}kg$. Hỏi chia được tất cả bao nhiêu túi bột mì như vậy?

Lời giải

Người ta đã bán số ki-lô-gam bột mì là: $16 : 4 \times 3 = 12$ (kg)

Số bột mì còn lại là: $16 - 12 = 4$ (kg)

Số bột mì còn lại chia được vào số túi là: $4:\frac{4}{5}=5$ (túi)

Đáp số: 5 túi

Bài 4 (0,5 điểm). Tính giá trị của biểu thức: $\frac{3}{2\times5}+\frac{3}{5\times8}+\frac{3}{8\times11}+\ldots+\frac{3}{17\times20}$

Trả lời: .....

Lời giải

Trả lời: $\frac{9}{20}$

$$\frac{3}{2\times5}+\frac{3}{5\times8}+\frac{3}{8\times11}+\ldots+\frac{3}{17\times20}$$

$$=\frac{5-2}{2\times5}+\frac{8-5}{5\times8}+\frac{11-8}{8\times11}+\ldots+\frac{20-17}{17\times20}$$

$$=\frac{1}{2}-\frac{1}{5}+\frac{1}{5}-\frac{1}{8}+\frac{1}{8}-\frac{1}{11}+\ldots+\frac{1}{17}-\frac{1}{20}$$

$$=\frac{1}{2}-\frac{1}{20}$$

$$=\frac{10}{20}-\frac{1}{20}$$

$$=\frac{9}{20}$$